TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Ánh Hoa

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 715/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *N đơn*: Bà Trương Kim Đ, Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp 5, xã T T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 9, phường T T, tỉnh Cà Mau)

Căn cước công dân số: 096180013564

- *Bị đơn*: Ông Tô Quốc K, Sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp 5, xã T T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 9, phường T T, tỉnh Cà Mau)

Căn cước công dân số: 096073004070

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Tài N. Địa chỉ: Khóm 5, t t S Đ, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Thùy V. Địa chỉ: Khóm 5, t t S Đ, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Kim Đ trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Tô Quốc K tự nguyện chung sống vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 07/12/2017, Giấy chứng nhận kết hôn 79/2017. Trong thời gian

chung sống đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông K có hành vi bạo lực gia đình với bà, sự việc mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, đã sống ly thân từ ngày 13/12/2023 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản*: Bà xác định không có.

- *Về nợ chung:* Bà xác định không nợ ai, không ai nợ ông, bà. Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) 1.700.000.000 đồng, trong đó ông K nợ 900.000.000 đồng, bà Trần Thùy V (cháu của bà) nợ 800.000.000 đồng. Bà xác định đây là nợ riêng của ông K, bà không vay, không sử dụng tiền chung với ông K. Nên bà không đồng ý có nghĩa vụ cùng thanh toán khoản nợ này theo yêu cầu của ông K.

***** *Bị đơn ông Tô Quốc K trình bày trong quá trinh giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như bà Đ trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 13/12/023 đến nay. Ông đồng ý ly hôn với bà Đ.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Năm 2019, ông có cho bà Trần Thùy V và ông Phạm Tài N là cháu của bà Đ mượn Quyền sử dụng đất để thế chấp vay Ngân hàng (nhưng làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà V và ông Tài N đứng tên) vay tiền tại Ngân hàng Phương Đông. Địa chỉ đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Cà Mau số tiền 1.700.000.000 đồng, trong đó bà V, ông N nhận 800.000.000 đồng, ông nhận 900.000.000 đồng, số tiền vay 900.000.000 đồng này ông sử dụng mục đích chung của vợ chồng nuôi trồng thủy sản tôm, cá, bị thua lỗ, trả nợ người khác, nên vợ chồng không còn tài sản chung. Đối với số nợ này, khi ly hôn ông yêu cầu giải quyết chia đôi nghĩa vụ thanh toán, ông và bà Đ mỗi người có nghĩa vụ thanh toán 450.000.000 đồng.

Tại phiên toà ông K xác định do bà V và ông N đã đi nước ngoài, địa chỉ cụ thể ông không biết nên ông K không yêu cầu Toà án xem xét đối với khoản nợ trên để ông thỏa thuận với bà Đ, bà V ông N nếu không thoả thuận được ông sẽ kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của N bà Trương Kim Đ yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Tô Quốc K, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đ và ông K kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Đ cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà Đ yêu cầu được lý hôn. Ông K xác định hôn nhân của ông bà không hạnh phúc đúng như trình bày của bà Đ nên đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà

Đ và ông K xảy ra mâu thuẫn trầm trọng là thực tế, ông bà xác định không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của ông bà không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của N đơn về việc cho ông bà được ly hôn.

[2] Con chung: Không có

[3] Tài sản chung: Bà Đ và ông K xác định không có.

[4] Nợ chung: Bà Đ xác định không có nợ chung, ông K xác định có nợ chung số tiền 900.000.000 đồng do bà V ông N vay ngân hàng thay cho ông. Do hiện tại ông không liên lạc được với bà V ông N nên ông không yêu cầu đối với khoản nợ chung nêu trên. Xét thấy, việc ông K không cung cấp được địa chỉ mới của bà V ông N nên Toà án không thể làm việc với đương sự. Tại phiên Toà sơ thẩm ông K xác định không yêu cầu Toà án xem xét để ông thoả thuận với bà Đ bà V ông N. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông K không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tách ra đối với khoản nợ chung để các đương sự tự thoả thuận. Trường hợp có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: N đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim Đ, về việc yêu cầu ly hôn với ông Tô Quốc K.

Con chung: Không có

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trương Kim Đ phải nộp 300.000 đồng. Ngày 12/12/2024, bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (biên lai số0007778) được chuyển thu.

N đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút ngày 18 tháng 8 năm 2025,

Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa, ông Huỳnh Hoàng Khởi

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 715/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, giữa các đương sự:

- *N đơn*: Bà Trương Kim Đ, Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp 5, xã T T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 9, phường T T, tỉnh Cà Mau)

- *Bị đơn*: Ông Tô Quốc K, Sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp 5, xã T T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 9, phường T T, tỉnh Cà Mau)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim Đ, về việc yêu cầu ly hôn với ông Tô Quốc K.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Con chung: Không có

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trương Kim Đ phải nộp 300.000 đồng. Ngày 12/12/2024, bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (biên lai số0007778) được chuyển thu.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

N đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút ngày 18 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Trương Ánh Hoa	Huỳnh Hoàng Khởi	Đinh Cẩm Đào

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Cẩm Đào